

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

93B Nguyễn Văn Thủ, P.Đakao, Q.1, Tp.HCM

ĐT: (84.8)39.110.098 - Fax: (84.8)39.100.445

website: www.shp.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010




MỤC LỤC

- ❖ Lịch sử hoạt động của Công ty
- ❖ Báo cáo của Hội đồng quản trị
- ❖ Báo cáo của Ban Giám đốc
- ❖ Báo cáo tài chính
- ❖ Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán
- ❖ Các công ty có liên quan
- ❖ Tổ chức nhân sự
- ❖ Thông tin cổ đông

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

- ◆ Tên gọi của Công ty : **Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam**
- ◆ Tên tiếng Anh đầy đủ : **Southern Hydropower Joint Stock Company**
- ◆ Tên tiếng Anh viết tắt : **SHP**
- ◆ Trụ sở chính : 93B Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Q1, TPHCM
- ◆ Điện thoại : 08 3911 0098 - Fax: 08 3910 0445
- ◆ Website : www.shp.vn
- ◆ Email : webmail@shp.vn
- ◆ Logo : 
- ◆ Vốn điều lệ : 937.102.000.000 VNĐ
- ◆ Vốn thực góp : 770.113.440.000 VNĐ
- ◆ Giấy CN ĐKKD : 0303416670 (đăng ký lần đầu số 4103002486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp ngày 13/7/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/11/2009)
- ◆ Ngành nghề kinh doanh :
 - Đầu tư và xây dựng nhà máy thủy điện
 - Sản xuất, mua bán điện
 - Bảo trì, thử nghiệm các nhà máy điện, lưới điện
 - Mua bán vật tư, thiết bị điện.
 - Quản lý dự án, kinh doanh du lịch lữ hành nội địa
 - Khách sạn (không hoạt động tại TPHCM)

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2.1. Bối cảnh ra đời:

Căn cứ vào chủ trương của Nhà nước và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) trong việc phát triển ngành điện lực phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, qua quá trình khảo sát và xác định các dự án nhà máy thủy điện có tính khả thi và hiệu quả, Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam (trước là Công ty Điện lực 2) đã chủ trì tiến hành triển khai thực hiện các thủ tục để thành lập CTCP Thủy điện Miền Nam gồm các cổ đông là: Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam, cán bộ công nhân viên đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu trong Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam và một số doanh nghiệp là các đối tác trong quá trình hoạt động của Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.

Sau khi soạn thảo và hoàn chỉnh phương án thành lập, đầu tư và sản xuất kinh doanh của CTCP Thủy Điện Miền Nam, ngày 29/5/2004 tại số 72 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, Q1, TPHCM, Đại hội đồng cổ đông sáng lập đã họp và nhất trí thông qua phương án hoạt động, Điều lệ và bầu ra Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của CTCP Thủy Điện Miền Nam.

2.2. Giai đoạn từ 2004-2006:

Ngày 13/7/2004, CTCP Thủy Điện Miền Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002486, chính thức đi vào hoạt động với mức vốn điều lệ là **250.000.000.000 VNĐ** (hai trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương với 2.500.000 cổ phần (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần) với hơn 4.000 cổ đông góp vốn.



Mục tiêu hoạt động ban đầu của Công ty là:

- Thực hiện đầu tư 2 dự án thủy điện tại tỉnh Lâm Đồng gồm:
 - + Công trình thủy điện Đasiat tại huyện Bảo Lâm với công suất 13,5 MW.
 - + Công trình thủy điện Đa Dâng 2 thuộc địa bàn 2 huyện Lâm Hà và Đức Trọng với công suất 34 MW.
- Đưa vào quản lý vận hành các nhà máy điện trên để sản xuất kinh doanh điện năng.
- Đầu tư phát triển các dự án thủy điện khác
- Mở rộng các ngành nghề sản xuất kinh doanh để phát triển các mặt hoạt động của Công ty

2.3. Giai đoạn từ 2006 đến năm 2008:

Tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 ngày 24/3/2006, toàn thể cổ đông sáng lập và cổ đông tham gia góp vốn đã nhất trí kế hoạch đầu tư thêm dự án thủy điện Đam'abri. Ngày 23/6/2006 Công ty đã tăng vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ 250.000.000.000 VNĐ (hai trăm năm mươi tỷ đồng) lên 687.000.000.000 VNĐ (sáu trăm tám mươi bảy tỷ đồng), với số cổ phần tương ứng là 68.700.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).

Từ tháng 4 năm 2008, Công ty đã thay đổi địa điểm đặt trụ sở. Trụ sở chính của Công ty hiện nay đặt tại địa chỉ: **93B, Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, TPHCM.**

2.4. Giai đoạn 2008 đến năm 2010:

Tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ 5 ngày 25/4/2009 Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 937,102 tỷ đồng. Ngày 25/11/2009 Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tăng vốn từ 687.000.000.000 VNĐ (sáu trăm tám mươi bảy tỷ đồng) lên 937.102.000.000 VNĐ (chín trăm ba mươi bảy tỷ một trăm linh hai triệu đồng) với số cổ phần tương ứng là 93.710.200 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).

Từ 20/8/2010, Công ty đã làm xong thủ tục đăng ký chứng khoán và được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp mã chứng khoán SHP.

Lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu của Công ty trong giai đoạn này là:

a. Về lĩnh vực kinh doanh:

- + Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện
- + Sản xuất kinh doanh điện năng
- + Sửa chữa, bảo trì, thử nghiệm các nhà máy điện, lưới điện
- + Tư vấn khảo sát thiết kế và giám sát các công trình điện
- + Tư vấn quản lý dự án
- + Kinh doanh thương mại, dịch vụ và du lịch
- + Các ngành nghề sản xuất kinh doanh khác.

b. Về mục tiêu:

- + Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện Đasiat, Đa Dâng 2, Đam'abri và các dự án khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- + Quản lý vận hành các nhà máy điện, sản xuất kinh doanh điện năng, tạo thu nhập ổn định lâu dài cho các cổ đông
- + Sử dụng nguồn vốn, khả năng quản lý, lao động và uy tín của các cổ đông để phát triển sản xuất kinh doanh tạo nguồn lợi nhuận cho Công ty, tăng cổ tức

cho các cổ đông, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Hiện nay Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam đang đầu tư xây dựng 03 dự án Nhà máy thủy điện tại Tỉnh Lâm Đồng gồm: dự án thủy điện Đa Siat, thủy điện Đa Dâng 2, thủy điện Đa'Mbri với

Công trình Thủy điện Đa Siat:

Nhà máy Thủy điện Đa Siat được được Xây dựng tại huyện Bảo Lâm - tỉnh Lâm Đồng, công suất 13,5 MW với sản lượng 60 triệu kwh/năm, đã phát điện hòa lưới quốc gia từ tháng 01 năm 2010

Công trình thủy điện Đa Dâng 2:

Nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2 được được Xây dựng tại huyện Đức Trọng và Huyện Lâm Hà - Tỉnh Lâm Đồng, có công suất lắp máy là 34 MW, hàng năm cho sản lượng điện 152 triệu kwh/năm, đã phát điện hòa lưới quốc gia từ tháng 10 năm 2010

Công trình thủy điện Đa'Mbri:

Nhà máy Thủy điện Đa'Mbri được Xây dựng trên địa bàn 03 huyện Bảo Lâm, Đa Huoai và Đa Tẻh - Tỉnh Lâm Đồng, công suất 75 MW, sản lượng hàng năm khoảng 338 triệu kwh/năm dự kiến hoàn thành và phát điện vào năm 2012.

Tổng mức đầu tư 3 công trình thủy điện DA SIAT, ĐA'MBRI, ĐA DÂNG 2 khoảng 2.632,4 tỷ đồng.

3. Định hướng phát triển

3.1. Các mục tiêu chủ yếu:

Vận hành nhà máy Đasiat, Nhà máy Đa Dâng 2 liên tục, ổn định và đạt hiệu quả cao nhất.

Tập trung điều hành đẩy nhanh tiến độ thi công dự án Đam'bri trong năm 2011, làm tiền đề đưa nhà máy vào vận hành cuối năm 2012.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Là nhà đầu tư chuyên nghiệp về năng lượng sạch.
- Tìm kiếm các dự án thủy điện khu vực Miền Nam và Miền Trung.
- Chuẩn bị nhân lực và tìm kiếm đầu tư dự án năng lượng gió.
- Tận dụng những kinh nghiệm sẵn có về quản lý dự án, tiến tới thực hiện tự giám sát thi công các việc liên quan đến thi công công trình thủy điện, tham gia công tác quản lý dự án cho các nhà đầu tư về năng lượng sạch.
- Tận dụng kinh nghiệm sẵn có về vận hành các nhà máy điện, tiến tới tham gia cung cấp dịch vụ vận hành, sửa chữa các nhà máy cho các nhà đầu tư.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A/ TÌNH HÌNH CHUNG: Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam hiện đang thực hiện công tác đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các nhà máy thủy điện Đa Siat - 13,5MW, Đa Dâng 2 – 34MW, Đam’ Bri - 75MW trên địa bàn Tỉnh Lâm Đồng. Công ty được tổ chức như sau:

1/ Cơ cấu tổ chức:

1.1- Hội đồng quản trị Công ty SHP bao gồm 7 thành viên :

- | | |
|----------------------------|-------------------------|
| 1/ Ông Nguyễn Thành Duy | - Chủ tịch HĐQT Công ty |
| 2/ Bà Trịnh Thị Tuyết Minh | - Ủy viên HĐQT Công ty |
| 3/ Ông Nguyễn Hữu Phương | - Ủy viên HĐQT Công ty |
| 4/ Ông Nguyễn Văn Dũng | - Ủy viên HĐQT Công ty |
| 5/ Ông Lê Chí Phước | - Ủy viên HĐQT Công ty |
| 6/ Ông Trịnh Phi Anh | - Ủy viên HĐQT Công ty |
| 7/ Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng | - Ủy viên HĐQT Công ty |

1.2- Bộ phận quản lý điều hành của Công ty có 112 người bao gồm:

1.2.1- Ban Tổng giám đốc công ty gồm 3 người:

- | | |
|-------------------------|-----------------|
| 1/ Ông Nguyễn Văn Thịnh | - Tổng Giám đốc |
| 2/ Ông Nguyễn Dũng | - Phó TGD |
| 3/ Ông Nguyễn Vĩnh Châu | - Phó TGD |

1.2.2- Các Phòng Công ty: 35 người

1.2.3- Công trường Nhà máy TĐ Đa Dâng 2 và Đam’ Bri : 20 người

1.2.4- Chi nhánh Lâm đồng tại TP. Bảo Lộc: 54 người.

2/ Những thuận lợi khó khăn :

a/ Thuận lợi:

- Công ty CPTĐ Miền Nam được sự quan tâm giúp đỡ của Tỉnh ủy, Ủy ban Tỉnh Lâm Đồng, sự phối hợp của các Sở, Ban Ngành của Tỉnh Lâm Đồng và của Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam.

- Sự quan tâm, thông cảm và chia sẻ của toàn thể các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông lớn như Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam (EVN SPC), Tổng Công ty Rượu bia nước giải khát (SABECO).

- Nội bộ đoàn kết vì sự phát triển và ổn định của doanh nghiệp.

- Đời sống thu nhập của CBCNV được giữ ổn định, CBCNV an tâm công tác, nỗ lực vì sự phát triển bền vững của Công Ty.

b/ Khó khăn:

Do ảnh hưởng của tình hình khủng hoảng tài chính, suy giảm kinh tế toàn cầu, giá cả biến động, và thiên tai bão lũ... đã làm ảnh hưởng đến công tác điều hành của Công ty, cụ thể là:

- Các nhà thầu thiếu vốn tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng khó khăn, giá vật liệu tăng cao nên khó đáp ứng được khối lượng và tiến độ hạng mục của các gói thầu.

- Chi phí đầu tư các công trình tăng do phải điều chỉnh giá và bù giá theo qui định của Chính phủ.



B/ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH:

Năm 2010 trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước vừa thoát ra khỏi thời kỳ giảm phát, đang từng bước hồi phục và lấy lại đà tăng trưởng; các doanh nghiệp trong nước đã và đang tìm mọi giải pháp để tái cấu trúc lại, đẩy mạnh đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh; Công ty cũng đã tận dụng mọi cơ hội, đã thường xuyên bám sát tình hình tiến độ tại các công trường, khai thác hiệu quả các biện pháp kích cầu của Chính Phủ, ứng xử điều hành linh hoạt, chỉ đạo sát sao để kịp thời điều chỉnh, xử lý công việc quyết liệt, triệt để, mang lại các kết quả thiết thực đó là:

1/ Kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2010:

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2010, Công ty CPTĐ Miền Nam đã thực hiện đạt được những kết quả như sau:

3.1- Dự án thủy điện Đa Siat:

Đã hoàn thành và phát điện thương mại vào ngày 26 tháng 1 năm 2010, nhà máy hoạt động đúng công suất thiết kế, đảm bảo các thông số kỹ thuật theo thiết kế được phê duyệt. Do tình hình thủy văn không thuận lợi nên kết quả sản xuất điện năm 2010 chỉ đạt :

Sản lượng: 40 triệu KWh

Doanh thu: 28,122 tỷ đồng

Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư là 346,419 tỷ đồng, Công ty đang lập thủ tục tổng quyết toán.

3.2- Dự án thủy điện Đa Dâng 2:

Đã hoàn thành và phát điện thương mại vào 27/9/2010, nhà máy hoạt động đúng công suất thiết kế, đảm bảo các thông số kỹ thuật theo thiết kế được phê duyệt. Kết quả sản xuất điện năm 2010 đạt :

Sản lượng: 55 triệu KWh

Doanh thu: 37,812 tỷ đồng

Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư là 500 tỷ đồng, Công ty đang lập thủ tục tổng quyết toán.

3.3- Dự án thủy điện Đam' Bri:

Đã hoàn tất công tác đấu thầu, đang triển khai thi công các gói thầu là đường gân chính của công trình như đường giao thông, đường hầm, đường ống và hồ móng nhà máy giá trị XDDB năm 2010 đạt 260 tỷ đồng.

Do đây là công trình thủy điện vừa có công suất 75MW, địa hình nhà máy phức tạp, công tác điều hành gặp rất nhiều khó khăn do các nhà thầu bị ảnh hưởng suy thoái về kinh tế và biến động giá vật liệu xây dựng. Hội đồng quản trị và Công ty đang điều hành quyết liệt để đảm bảo tiến độ phát điện nhà máy vào năm 2012.

3.4- Quản lý nguồn vốn:

- Tổng nguồn vốn hiện có: 1.435.741.631.634đ, trong đó

+ Vốn vay : 529.180.945.000đ

+ Vốn chủ sở hữu: 794.532.559.691đ



3.5- Tình hình tài chính năm 2010:

- Tổng doanh thu : 85,605 tỷ đồng
- Tổng chi phí : 56,415 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 24,376 tỷ đồng
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 3%

3.6- Nhận xét đánh giá chung:

Nhìn chung trong năm 2010, mặc dù hoạt động sản xuất của Công ty CPTĐ Miền Nam gặp nhiều khó khăn nhưng Hội đồng quản trị Công ty đã có nhiều cố gắng để điều hành Công ty một cách hiệu quả, hoàn thành được các chỉ tiêu kế hoạch mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2010 đề ra, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, đúng thẩm quyền và đúng pháp luật.

C/ KẾT QUẢ CÁC KỲ HỌP VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

- Để đảm bảo công tác điều hành Công ty, trong năm tài chính từ tháng 5/2010 - 4/2011, Hội đồng quản trị Công ty đã có 14 cuộc họp để xem xét giải quyết các vấn đề trong quản lý điều hành sản xuất Công ty theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị được điều lệ Công ty quy định.

- Kết quả các cuộc họp, Hội đồng quản trị đã nghe Tổng Giám đốc điều hành Công ty báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tình hình triển khai các dự án, trình bày các khó khăn vướng mắc và các đề xuất kiến nghị trình Hội đồng xem xét và quyết nghị.

- Các thành viên trong Hội đồng đã thảo luận bàn bạc một cách dân chủ, công khai, với tinh thần làm việc thẳng thắn, trung thực, các vấn đề chưa rõ cần xác minh làm rõ thêm trước khi quyết nghị, Hội đồng quản trị đã yêu cầu Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban Công ty tiếp tục giải trình, nếu cần thiết thì làm việc trực tiếp với các đối tác, các nhà thầu để làm rõ và quyết nghị.

Hội đồng quản trị đã quyết nghị theo thẩm quyền các vấn đề sau:

1- Thông qua báo cáo tổng kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011.

2- Thông qua kế hoạch phát điện Nhà máy TĐ Đa Siat và TĐ Đa Dâng 2.

3- Cắt giảm khối lượng hợp đồng gói thầu DR-XL05, DR-XL05 của nhà thầu Cavico VN (do nhà thầu này chậm tiến độ).

4- Mở thêm ngạch thi công hầm phụ số 3.

5- Chỉ định thầu cho Công ty CP xây dựng công trình ngầm – VINAVICO thi công các hạng mục sau: đào hầm phụ số 1, đào đường hầm từ hầm phụ số 1 về thượng lưu, từ hầm phụ số 3 về hạ lưu (Phần cắt giảm khối lượng hợp đồng gói thầu DR-XL05, DR-XL05 của nhà thầu Cavico VN) và đào hầm phụ số 3.

6- Phê duyệt Lễ Khánh thành hai nhà máy Nhà máy TĐ Đa Siat và TĐ Đa Dâng 2 vào ngày 26/11/2010.

7- Ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty ký hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai và được sử dụng toàn bộ Nhà máy thủy điện Đam' Bri thế chấp vay vốn Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng.

8- Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ của Công ty năm 2010.

9- Phê duyệt chủ trương về phương án kiến trúc cho Văn phòng Chi nhánh Công ty tại Thành phố Bảo Lộc - Tỉnh Lâm Đồng . Tổng mức đầu tư : 10.500.000.000đ (Mười tỷ năm trăm triệu đồng)



10- Thống nhất chủ trương bù giá vật tư và nhân công các gói thầu xây lắp của dự án Đam B'ri và Đa Dâng 2:

11- Ngoài việc các phiên họp định kỳ, Hội đồng quản trị cũng đã thường xuyên đi kiểm tra giám sát chất lượng và tiến độ các công trình, họp làm việc với các nhà thầu tại các công trình và lấy ý kiến qua văn bản Fax... để giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc của Ban điều hành và các nhà thầu của các dự án.

D/ CÁC KẾ HOẠCH DỰ KIẾN TRONG TƯƠNG LAI.

1- Tập trung điều hành khai thác các nhà máy Đa Siat, Đa Dâng 2 đạt sản lượng và doanh thu một cách tốt nhất.

2- Điều hành công trường nhà máy Đam'Bri đảm bảo đúng tiến độ hiệu quả và tiết kiệm.

3- Tiếp tục tìm và xây dựng các nhà máy thủy điện nhỏ và vừa trên địa bàn Tỉnh Lâm Đồng và các Tỉnh Miền Trung.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Báo cáo tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2009
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định / Tổng tài sản	%	80.98%	61.36%
Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	18.98%	38.59%
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	44.66%	40.02%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	55.34%	59.98%
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.58	4.11
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.58	4.11
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.58	4.11
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	44.27%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	36.97%	
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	2.03%	1.14%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1.70%	0.92%
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	3.07%	1.53%

**- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:**

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh phí và các quỹ}}{\text{Số cổ phiếu đã phát hành – Cổ phiếu quỹ}} \\ \text{mỗi cổ phần} &= 10.317 \text{ đồng /cổ phiếu} \end{aligned}$$

- Những thay đổi về vốn góp:

Vốn góp đến ngày 01 tháng 01 năm 2010: 687.000.000.000 đồng

Vốn góp tăng trong kỳ: 83.113.440.000 đồng

Vốn góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2010: 770.113.440.000 đồng

- Cơ cấu sở hữu:

Danh mục	Tổng		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Tổng	77.011.344	770.113.440.000	100,00%
Cổ đông sở hữu trên 5%	48.038.031	480.380.310.000	62,38%
Cổ đông nắm giữ 1%-5%	981.500	9.815.000.000	1,27%
Cổ đông nắm giữ dưới 1%	27.991.813	279.918.130.000	36,35%

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	93.710.200	93.710.200
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	77.011.344	68.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	77.011.344	68.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	0	0
+ Cổ phiếu phổ thông	77.011.344	68.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

- Cổ tức năm 2010 : chi trả bằng tiền mặt với mức cổ tức là 3% trên vốn góp.



2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2010 (tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành so với KH (%)
1	Tổng doanh thu	96,882	85,605	88,36
	Doanh thu từ hoạt động SXKD	76,882	65,934	85,76
	<i>Đa Siat</i>	38,855	28.122	72,38
	<i>Đa Dâng 2</i>	38,027	37.812	99,43
	Doanh thu hoạt động tài chính	20,000	19.663	98,32
2	Tổng chi phí	65,488	56,414	86,14
3	Lợi nhuận trước thuế (1-2)	31,394	29.190	92,98
4	Thuế TNDN	5,000	4.814	96,28
5	Lợi nhuận sau thuế	26,394	24.376	92,35

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 86% so với kế hoạch là do doanh thu của Nhà máy Đa Siat chỉ đạt 72% so với kế hoạch nguyên nhân năm nay thời tiết không thuận lợi, hạn hán kéo dài hơn mọi năm.

- Về chi phí:

+ Chi phí khấu hao: Thực hiện bằng 86,95% so với kế hoạch. Trong đó:

- Với nhà máy Đa Siat là 114,81% vì khi lập kế hoạch nguyên giá trích khấu hao dựa trên tổng mức đầu tư là 242 tỷ đồng nhưng thực tế năm 2010 là 317,5 tỷ đồng.
- Với nhà máy Đa Dâng 2 là 55,06% vì khi lập kế hoạch nguyên giá tính khấu hao dựa trên tổng mức đầu tư là 592 tỷ đồng, khi thực hiện tính theo giá trị khối lượng nghiệm thu đến hiện nay là 450 tỷ đồng.

+ Chi phí lãi vay: Giảm còn 73,37% vì những lý do sau:

- Dự án Đa Siat: Trước tình hình lãi suất tăng cao, để đảm bảo hiệu quả kinh tế của dự án và của Công ty, sau khi cân đối dòng tiền đã trả nợ trước hạn là 70 tỷ đồng.
- Dự án Đa Dâng 2: do tiết kiệm được nhiều chi phí nên giá trị quyết toán của dự án sẽ thấp hơn tổng mức đầu tư được duyệt ban đầu 592 tỷ đồng nên giảm chi phí lãi vay.

+ Thuế tài nguyên: Giảm còn 81,75% vì số tính thuế được tính theo sản lượng điện.

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

3.1 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a) Về tổ chức bộ máy:

- Tổ chức lại các bộ phận tham mưu (các phòng ban) theo hướng gọn nhẹ để giải quyết nhanh chóng các công việc. Cụ thể: Xác nhập Phòng Kỹ thuật vật tư vào Phòng Kinh tế Kế hoạch hình thành Phòng Kế hoạch kỹ thuật làm đầu mối để xử lý các vấn đề liên quan đến quá trình đầu tư.

- Phân cấp cho Bộ phận quản lý tại công trường trong vấn đề giải quyết những phát sinh trong quá trình thi công để xử lý nhanh chóng các phát sinh.

- Thành lập bộ phận chuyên trách quản lý công tác quản lý vận hành các nhà máy đã đưa vào vận hành (Chi nhánh Lâm Đồng).

b) Về chính sách và quản lý:

- Ban hành Quy trình nghiệm thu để rút ngắn thời gian thanh toán cho các nhà thầu từ 15 ngày xuống còn 5 ngày.
- Chung tay cùng các nhà thầu tháo gỡ các khó khăn, đặc biệt là khó khăn về tài chính: tạo điều kiện tốt nhất, nhanh nhất để giải ngân cho nhà thầu; hỗ trợ, bảo lãnh để nhà thầu được vay vốn ngân hàng; tạm ứng vốn để nhà thầu dự trữ vật tư khi thị trường có biến động giá lớn ...
- Triển khai xây dựng Quy trình quản lý chất lượng công việc theo ISO.
- Lãnh đạo Công ty thường xuyên có mặt trên công trường để kiểm điểm tiến độ, giải quyết những vướng mắc cho các nhà thầu để đẩy nhanh tiến độ.

3.2. Các biện pháp kiểm soát

- Định kỳ kiểm tra việc thực hiện các đơn vị được phân cấp: Bộ phận công trường, Chi nhánh để kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tìm kiếm các dự án thủy điện khu vực Miền Nam và Miền Trung.
- Chuẩn bị nhân lực và tìm kiếm đầu tư dự án năng lượng gió.
- Tận dụng những kinh nghiệm sẵn có về quản lý dự án, tiến tới thực hiện tự giám sát thi công các việc liên quan đến thi công công trình thủy điện, tham gia công tác quản lý dự án cho các nhà đầu tư về năng lượng sạch.
- Tận dụng kinh nghiệm sẵn có về vận hành các nhà máy điện, tiến tới tham gia cung cấp dịch vụ vận hành, sửa chữa các nhà máy cho các nhà đầu tư.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Đính kèm báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.

1. Kiểm toán độc lập:

Đơn vị kiểm toán độc lập đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán 2010 là :

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN PKF VIỆT NAM.

Ý kiến kiểm toán độc lập:

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có thể kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã xem xét một số bằng chứng là căn cứ cho các số liệu chi tiết trong các báo cáo tài chính. Những chuẩn mực kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hay sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc Công ty soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm



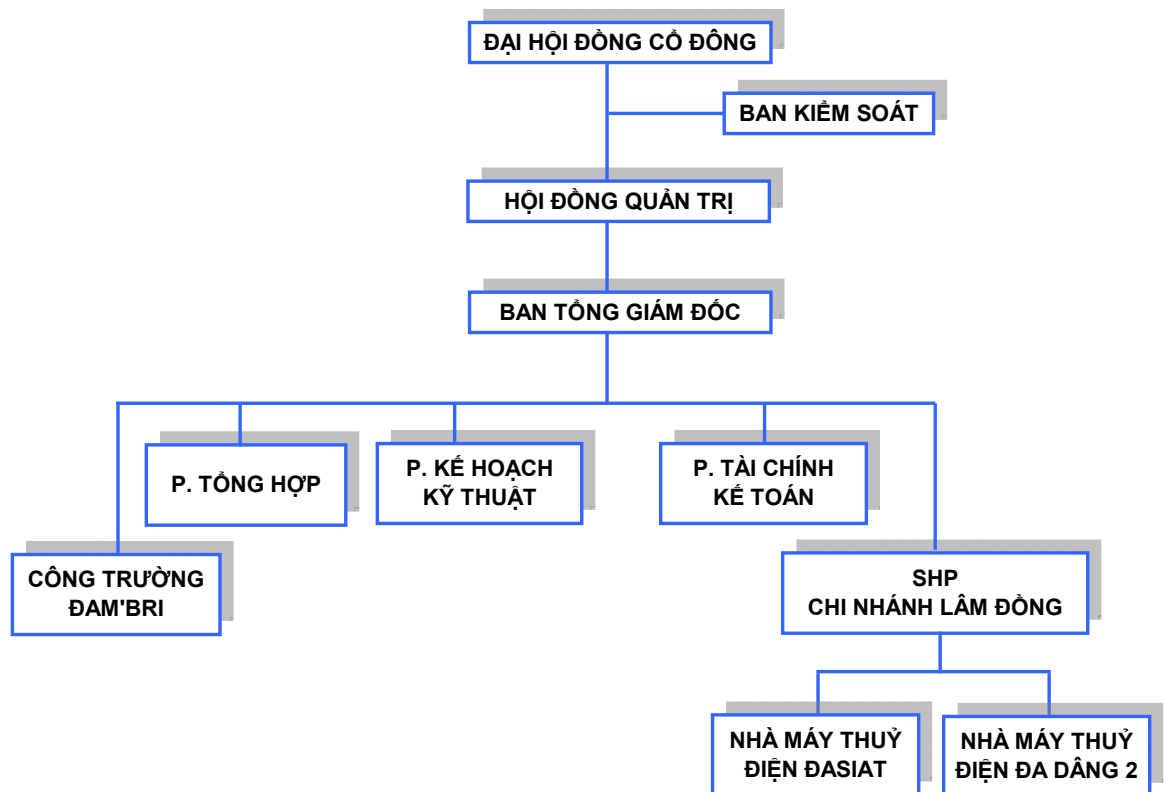
việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như việc đánh giá trình bày tổng quát các báo cáo tài chính.

2. Kiểm toán nội bộ: không có

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN MÀ CÔNG TY NẪM GIỮ TRÊN 50% VỐN CỔ PHẦN: KHÔNG

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



2. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

2.1 Số người lao động : Tổng số cán bộ nhân viên đến cuối năm 2010 là 112 người

2.2 Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2010

Yếu tố	Số lượng	Tỷ lệ
Phân theo trình độ chuyên môn		100%
■ Đại học và trên đại học	49	43,75
■ Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	38	33,93
■ Sơ cấp và CN kỹ thuật	17	15,18
■ Lao động phổ thông	8	7,14
Phân theo đối tượng lao động		100%
■ Lao động trực tiếp	74	66,07
■ Lao động gián tiếp	38	33,93

3. CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, LƯƠNG, THƯỜNG, TRỢ CẤP:

Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng đầy đủ các chế độ lương, thưởng, trợ cấp theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Công đoàn và các đoàn thể của Công ty thường xuyên quan tâm đến các phong trào thi đua lao động sản xuất,



khen thưởng kịp thời, chăm lo đời sống của người lao động, thực hiện tốt các chế độ chính sách ưu đãi cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Công ty rất coi trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên qua các khoá đào tạo ngắn ngày về giám sát công trình, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách thuế... và đào tạo cho lực lượng chuẩn bị sản xuất, vận hành máy.

Đối với chế độ tiền lương, Công ty thực hiện nghiêm chỉnh theo Luật Lao động và Quy chế nâng bậc lương Công ty đã ban hành..

Thực hiện đúng các chế độ phúc lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ nghỉ phép năm và tổ chức tham quan du lịch cho cán bộ công nhân viên.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị: 7 thành viên.

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thành Duy	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Hữu Phương	Ủy viên HĐQT
3	Ông Trịnh Phi Anh	Ủy viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng	Ủy viên HĐQT
5	Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Ủy viên HĐQT
6	Ông Lê Chí Phước	Ủy viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT

Ông Nguyễn Thành Duy – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh : 15/02/1955 .

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện Đại học Bách Khoa , Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- Từ 03/1978 - 03/1994: Chuyên viên Phòng Vật tư Công ty Điện lực 2
- 03/1994 - 06/1995: Phó Phòng Vật tư Công ty Điện lực 2.
- 06/1995 - 11/1996: Trưởng Phòng Kinh tế đối ngoại Công ty Điện lực 2.
- 11/1996 - 06/1997: Trưởng Phòng Vật tư Công ty Điện lực 2
- 06/1997 - 05/1998: Trưởng Phòng Hợp tác quốc tế Công ty Điện lực 2.
- 05/1998 - 04/2003: Phó Giám đốc Công ty Điện lực 2.
- 05/2003 - 08/2005: Giám đốc Công ty Điện lực 2
- 08/2005 - 12/2006: Giám đốc Công ty Điện lực TPHCM.
- 01/2006 - 02/2010: Giám đốc Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.(trước là Công ty Điện lực 2).



- 02/2010 - nay : Tổng Giám đốc kiêm chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

Chức vụ nắm giữ tại cổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung và là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt

Ông Nguyễn Hữu Phương – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh : 20/12/1955

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 03/1978 - 12/1980: Cán bộ kế toán - Ban Thiết kế điện Công ty Điện lực 2
- 01/1981 - 10/1988: Phó Phòng TCKT - XN Xây lắp Điện Công ty Điện lực 2
- 11/1988 - 01/1991: Trưởng Phòng TCKT - XN Xây lắp Điện C.ty Điện lực 2.
- 02/1991 - 10/1998: Kế toán trưởng XN xây lắp điện Công ty Điện lực 2
- 11/1998 - 7/1999: Phó Phòng TCKT Công ty Điện lực 2.
- 07/1999 - 12/2006: Kế toán trưởng Công ty Điện lực 2.
- 01/2007 - 02/2010: Trưởng Phòng Kế Hoạch Công ty Điện lực 2.
- 02/2010 - nay : Trưởng Ban Kế Hoạch Tổng Công ty Điện lực Miền Nam(trước là Công ty Điện lực 2)

Ông Trịnh Phi Anh – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 05/08/1947

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

1997 - 2000: Giám đốc Nhà máy thủy điện Trị An

2000 - 2007: Giám đốc Công ty Thủy điện Đa Nhim, Hàm Thuận Đa Mi

2007 - nay : Chuyên viên cố vấn Công ty cổ phần thủy điện Miền Nam

Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng – Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ: **Thành viên Hội đồng quản trị**

Ngày sinh: 10/01/1961

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Cử nhân Kinh tế.

Quá trình công tác:

- 1984 - 1991: cán bộ Phòng Kế Hoạch kỹ thuật Nhà máy nước đá Sai Gòn.
- 1991 - 1996: Phân xưởng Động lực Công ty Bia Sai Gòn.
- 1996 - 2000: Phòng Kỹ thuật Công ty Bia Sài Gòn.
- 2000 - 2003: Phó Quản Đốc Phân Xưởng bảo trì Công ty Bia Sài Gòn.
- 2004 - 2005: Ban QLDA Nhà máy Bia Sài Gòn Củ Chi, Tổng Công ty Bia Rượu - NGK Sài Gòn
- Từ 2006 -09/2008 : Trưởng ban QL đầu tư-phát triển Công ty CP Bia rượu nước giải khát SG
- Từ 10/2008 đến nay: Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn Củ Chi.

Bà Trịnh Thị Tuyết Minh – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh : 13/10/1962

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Quản trị kinh doanh



Quá trình công tác :

- 1981 – 1985: Sinh viên trường ĐH kinh tế TP.HCM
- 1986 : Phòng KT-TC nhà máy Bia Sài gòn
- 18/03/1996: Phó phòng KT-TC công ty Bia Sài gòn
- 30/12/1996: Quyền Trưởng phòng Tài vụ Công ty Bia Sài gòn
- 11/03/1998: Trưởng phòng KT-TC Công ty Bia Sài gòn – kiêm Quyền Trưởng phòng KT-TC TCT Bia rượu nước giải khát SG
- 02/07/2003: Trưởng phòng KT-TC TCT Bia rượu nước giải khát SG
- 22/10/2003: Kế toán trưởng TCT Bia rượu nước giải khát SG
- 12/05/2006: Phó Tổng giám đốc TCT Bia rượu nước giải khát SG

Chức vụ công tác hiện nay :Giám đốc điều hành tài chính Tổng Công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn

Chức vụ nắm giữ tại cổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung , Thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Đại Việt, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư TM Tân Thành. Thành viên HĐQT Công ty CP bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.

Ông Lê Chí Phước – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 03/081953

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Cán bộ Phòng Kế Hoạch - Kỹ thuật Điện lực TP Cần Thơ
- Phó Phòng Tổ Chức - Hành Chính - Lao động Điện lực TP Cần Thơ.
- Chủ tịch Công Đoàn Điện lực TP Cần Thơ.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chánh Văn Phòng Tổ Chức - Hành Chính - Lao động, Công ty Điện lực TP Cần Thơ.

Ông Nguyễn Văn Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 02/04/1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện.

Quá trình công tác:

- 2004 - 2005 Phó Phòng Tổ chức -hành chính Điện lực Lâm Đồng
- 2005 - 2010: Trưởng Phòng Tổ chức - hành chính Điện lực Lâm Đồng

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Giám đốc Công ty Điện lực Lâm Đồng.

Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Thang Thanh Hà	Trưởng ban
2	Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên
3	Ông Tô Công Thanh Lộc	Thành viên



Ông Thanh Thanh Hà – Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh : 25/02/1962

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy công - thủy điện và kỹ sư hệ thống điện

Quá trình công tác :

- Từ 01/1987 - 12/1993 : Công tác tại Công ty Tư vấn Điện 3,

* Tham gia khảo sát, xây dựng các nhà máy thủy điện Trị An; Thác Mơ, Hàm Thuận - Đa Nhim.

* Là Giám sát A đường dây 550kV

- 01/1994 : Công tác tại phòng Thanh tra - Bảo vệ - Pháp chế (TTBVPC) Tổng Công ty Điện Lực miền Nam.(trước là Công ty Điện lực 2).

- 05/2004 đến nay được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Miền Nam bầu vào Ban Kiểm soát Công ty, Ban Kiểm soát bầu làm Trưởng Ban kiểm soát.

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban Thanh tra - Bảo vệ - Pháp chế Tổng Công ty Điện Lực miền Nam.

Ông Hoàng Minh Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh : 01/12/1966

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán , Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh

Quá trình công tác:

- 1987 – 1999: CB kế toán XN xây lắp điện Công ty Điện lực 2(nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam).

- 1999 – 2003: CB kế toán Công ty Điện Lực 2

- 2003 – 2007: Phó phòng TCKT Công ty Điện lực 2

- 2008-2010: Kế toán trưởng Công ty Điện lực 2

Chức vụ công tác hiện nay: Kiểm soát viên trưởng Tổng Công ty Điện lực miền Nam.

Ông Tô Công Thanh Lộc – Thành viên Ban Kiểm soát

Sinh ngày : 15/09/1959

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện , Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác :

- Năm 1982 - 1990 : nhân viên thí nghiệm đội cao áp-Trung tâm thí nghiệm điện - Công ty Điện lực 2

- Năm 1990 - 1997 : Phó quản đốc phân xưởng chế tạo tụ điện - Trung tâm thí nghiệm điện - Công ty Điện lực 2

- Năm 1997 - 2003 : Trưởng phòng KCS - Trung tâm thí nghiệm điện - Công ty Điện lực 2

- Năm 2003 đến 07/2007: Quản đốc phân xưởng chế tạo thiết bị điện - Trung tâm thí nghiệm điện - Công ty Điện lực 2

Chức vụ công tác hiện nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP Thiết bị điện Vi-Na-Si-No

Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau: Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10 triệu VNĐ/tháng; thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát : 6 triệu VNĐ/tháng; thành viên Ban kiểm soát : 3 triệu VNĐ/tháng.

**Ban Tổng Giám đốc:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thịnh – Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thịnh sinh ngày 18/01/1955, từ tháng 06/2007 được bổ nhiệm Giám đốc SHP, sau đó được bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ tháng 05/2010. Trước khi về SHP ông Thịnh từ là Trưởng phòng quản lý xây dựng Công ty Điện Lực 2(nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam).

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Ông Nguyễn Dũng – Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Dũng sinh ngày 15/11/1957, từ tháng 05/2006 được bổ nhiệm Phó Giám đốc SHP, sau đó được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ tháng 05/2010. Trước khi về SHP ông Dũng từ là Trưởng ca, Quản đốc phân xưởng vận hành nhà máy thủy điện Đanhim – Hàm Thuận – Đami.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Ông Nguyễn Vĩnh Châu – Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Vĩnh Châu sinh ngày 10/08/1961, từ tháng 04/2007 được bổ nhiệm Phó Giám đốc SHP, sau đó được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ tháng 05/2010. Ông Châu là Trưởng phòng Thẩm định - Chế độ, dự toán Ban quản lý dự án Thủy lợi 419 (Ban QLĐTXD TL 10) trước khi về SHP.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.

Thù lao của Ban Tổng giám đốc: Ban Tổng giám đốc Công ty hưởng lương khoán , tham gia đầy đủ các chế độ, quyền lợi theo quy định của pháp luật đối với người lao động.

Nắm giữ cổ phần của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

STT	Tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ đầu năm	Số CP nắm giữ cuối năm	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần
1	Ông Nguyễn Thành Duy	Chủ tịch HĐQT	38.000	38.000	0,049%
2	Ông Nguyễn Hữu Phương	Ủy viên HĐQT	10.000	10.000	0,013%
3	Ông Trịnh Phi Anh	Ủy viên HĐQT	0	3.000	0,004%
4	Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng	Ủy viên HĐQT	0	0	0%
5	Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Ủy viên HĐQT	17.500	17.500	0,023%
6	Ông Lê Chí Phước	Ủy viên HĐQT	2.000	2.686	0,003%



7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	2.000	2.685	0,003%
8	Ông Thang Thanh Hà	Trưởng BKS	7.600	7.600	0,009%
9	Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên BKS	20.000	20.000	0,026%
10	Ông Tô Công Thanh Lộc	Thành viên BKS	6.000	6.000	0,007%
11	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám đốc	7.000	37.000	0,048%
12	Ông Nguyễn Dũng	PT Giám đốc	1.520	1.520	0,002%
13	Ông Nguyễn Vĩnh Châu	PT Giám đốc	0	23.250	0,030%

Thông tin cơ cấu cổ đông tại ngày 24/03/2011 trong tổng số 77.011.344 cổ phiếu.

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
Nhà nước	1	29.087.318	37,77%
Tổ chức	15	21.317.646	27,68%
Cá nhân	4.352	26.606.380	34,55%
+ Người lao động trong Công ty	17	132.870	0,17%
+ Người nước ngoài	4	52.300	0,07%
+ Cổ đông khác	4331	26.421.210	34,31%
Tổng cộng	4.368	77.011.344	100,00%

Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam (Trước đây là Công ty Điện Lực 2)	72 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé Quận 1, TPHCM	29.087.318	37,77%
Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	06 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé Quận 1, TPHCM	18.950.713	24,61%
Tổng cộng		48.038.031	62,38 %

Thông tin về cổ đông nước ngoài: 4 cổ đông

- Tên cổ đông: **Hoàng Thị Mỹ Quyên**
Quốc tịch: Australia
Địa chỉ liên lạc: 109/12 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
Số lượng cổ phần sở hữu: 36.000 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu: 0,047%
- Tên cổ đông: **Tamaowada**
Quốc tịch: Japan



Địa chỉ liên lạc: 1-13-4 Iwaidanicho Matsuyamashi Ehimeken 790-0834 Japan.

Số lượng cổ phần sở hữu: 8.000 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu: 0,010%

3. Tên cổ đông: Thai Van Chinh

Quốc tịch: USA

Địa chỉ liên lạc: 3966A Government Blvd Mobile Al 36693 USD

Số lượng cổ phần sở hữu: 3.300 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu: 0,004%

4. Tên cổ đông: Yoshihiro Ishimoto

Quốc tịch: Japan

Địa chỉ liên lạc: 65 Lê Trung Nghĩa, Phường 12, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Số lượng cổ phần sở hữu: 5.000 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu: 0,006%

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Thịnh